TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH PHƯỚC** TỈNH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2023/HNGĐ-ST;
Ngày: **27/4/2023**;
V/v: "Tranh chấp ly hôn, người nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Ngọc Minh.
2. Bà Đàng Thị Hồng Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đổng Mây Hồng Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Thuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 29/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn, người nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2023 và Thông báo dời phiên tòa số: 01/TB-TA, ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1989 *(Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt);*

- *Bị đơn*: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1988 *(Vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: Thôn An Thạnh 2, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cắt trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Xuân T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2008; Hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận tại số: 51/2009, quyển số: 01, ngày 11/5/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà chồng được 04 năm rồi dọn ra cất nhà chung sống tại thôn An Thạnh 2, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng

chung sống không hạnh phúc do không hợp, ngoài ra ông T còn hay ghen tuông vô cớ rồi về chửi bới, xúc phạm và dùng bạo lực với bà nhiều lần; Ông T còn nghiện nhậu nhẹt bê tha vì vậy vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn; Bà nhiều lần khuyên giải chồng để mong cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả mà ngày càng tệ hơn.

Do vợ chồng mâu thuẫn nên dù vợ chồng còn sống chung nhà nhưng đến tháng 5/2022 thì sống riêng, ăn riêng ngủ riêng và việc ai người đó làm chứ không quan tâm hỏi han nhau nữa. Nay bà không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên kiên quyết yêu cầu ly hôn ông Lê Xuân T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên: Lê Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày: 24/3/2009 và Lê Tiến Th, sinh ngày: 23/8/2012. Từ trước đến nay thì bà là người trực tiếp chăm lo cho các con nên nay ly hôn thì bà yêu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, bà có nghề làm thuê thu nhập ổn định 6.000.000đ/tháng ngoài ra còn ông bà ngoại hỗ trợ đủ khả năng nuôi cả 02 con nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Xuân T trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà C về việc vợ chồng chung sống và kết hôn là đúng sự thật; Theo ông thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do trong thời gian ông đi làm thuê ở Đà Lạt bà C ở nhà đi chơi bời lung tung đến mức người đàn ông qua lại với bà C còn nhắn tin dung tục về việc quan hệ bất chính với bà C, ông về chất vấn vợ nhưng bà C không thừa nhận nên ông đã nổi nóng và đánh vợ, ông cũng có vài lần đánh vợ lý do là trong lúc vợ chồng tranh cãi thì ông không kìm nén được con giận; Ngoài ra bà C có 01 lần dẫn con bỏ đi, ông phải năn nỉ thì bà C mới chịu về nhà. Vợ chồng cũng không hạnh phúc do vợ chồng có thêm mâu thuẫn về tài chính, cả năm nay thì vợ chồng dù sống cùng nhà nhưng không ăn chung ngủ chung nữa. Ông không có kế hoạch hay lộ trình gì để hàn gắn với vợ, ông cho rằng vợ chồng không hạnh phúc nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn chưa thật sự nghiêm trọng và vợ chồng vẫn còn khả năng đoàn tụ vì vậy ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên: Lê Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày: 24/3/2009 và Lê Tiến Th, sinh ngày: 23/8/2012. Nếu như phải ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, ông không có ý kiến.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn quá trình giải quyết vụ án đã có lời khai và tham gia hòa giải nhưng lại vắng mặt tại phiên tòa vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn ông Lê Xuân T; Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn, người nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Xuân T có địa chỉ cư trú tại thôn An Thạnh 2, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Xuân T đã đến Tòa để cung cấp lời khai và tham gia hòa giải tuy nhiên tại phiên tòa thì ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Xuân T đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận tại số: 51/2009, quyển số: 01, ngày 11/5/2009 xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị C trình bày cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc mà nhiều lần xảy ra cãi nhau, ông T còn nhiều lần dùng bạo lực đối với bà, đến tháng 5/2022 do vợ chồng mâu thuẫn nên dù sống chung một nhà nhưng hai bên ăn riêng ngủ riêng và việc ai người đó làm chứ không quan tâm hỏi han nhau nữa; Ông T xác nhận trong đời sống chung thì vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau, ông nhiều lần đánh bà C do ông gen tuông và không kìm được nóng giận trong lúc vợ chồng cãi nhau, ngoài ra ông T còn khai nhận vợ chồng còn mâu thuẫn nhau về tài chính, ông T cũng thừa nhận khoảng 01 năm nay vợ chồng dù sống trong một nhà nhưng không ăn chung, không ngủ chung và vợ chồng không quan tâm nhau nữa chứng tỏ rằng

hôn nhân của vợ chồng bà C ông T không hạnh phúc mà nhiều lần xảy ra mâu thuẫn với nhau; Việc vợ chồng ông T bà C mâu thuẫn cũng được Ban quản lý thôn An Thạnh 2, xã An Hải, huyện Ninh Phước xác nhận tại Biên bản xác minh của Tòa án vào ngày 10/3/2023.

Ông Lê Xuân T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng lại không có biện pháp hay kế hoạch gì để hàn gắn vợ chồng trong khi bà Nguyễn Thị C luôn kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy: Hôn nhân của ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Xuân T có 02 con chung tên Lê Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày: 24/3/2009 và Lê Tiến Th, sinh ngày: 23/8/2012; Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, bà C có nghề làm thuê thu nhập ổn định 6.000.000đ/tháng ngoài ra còn ông bà ngoại hỗ trợ đủ khả năng nuôi cả 02 con nên không không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà C cho rằng từ trước đến nay thì bà là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con còn ông T thỉnh thoảng mới phụ giúp bà; Quá trình giải quyết vụ án bà C luôn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, trong khi ông T không có ý kiến và đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, xét thấy yêu cầu của bà C là có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Nh và trẻ Th tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2023 vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cho bà Nguyễn Thị C là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung Lê Nguyễn Thảo Nh và Lê Tiến Th.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị C không yêu cầu ông Lê Xuân T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Bà Nguyễn Thị C phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn ông Lê Xuân T.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị C có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày: 24/3/2009 và Lê Tiến Th, sinh ngày: 23/8/2012.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Xuân T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm; Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0002955, ngày 22/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước;
- UBND xã An Hải (2009);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Cốc